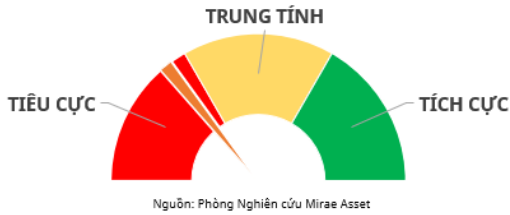


19 Tháng 08, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Bên bán chiếm ưu thế khi VN-Index trên 1.270

Khởi đầu tuần với diễn biến khả quan khi VN-Index thuận lợi chinh phục mốc 1.270 sau phiên tăng gần 12 điểm. Tuy nhiên áp lực bán tại vùng trên 1.270 đã tạo rào cản lớn cho đà tăng của chỉ số trong những phiên tiếp theo. Chỉ số gần như đi ngang trong 2 phiên tiếp theo và trong phiên ngày 18/08 với tính chất là phiên đáo hạn hợp đồng phái sinh tháng 8, chỉ số đã biến động lớn khi chạm mức cao nhất tại 1.283 nhưng chốt phiên tại 1.273. Tiếp tục giảm hơn 4 điểm trong phiên cuối tuần, VN-Index đã lùi về dưới 1.270 và chốt tuần tại mức 1.269,18, +6,85 điểm (+0,54%).

GAS là cổ phiếu đóng góp lớn nhất cho mức tăng của VN-Index trong tuần, cổ phiếu này đã tăng 3,1% giúp VN-Index tăng 1,6 điểm, tiếp theo là VIC với đóng góp 1,5 điểm cho chỉ số. VGC dù không trong VN30 nhưng là cổ phiếu đứng thứ 3 trong top 10 với mức đóng góp 0,9 điểm. Đáng chú ý khi mã này đã tăng 13,7% trong tuần.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng 567,98 tỷ đồng trong tuần. HPG là cổ phiếu được khối này mua mạnh nhất với giá trị 596 tỷ đồng, bỏ xa mã đứng thứ 2 là HDB với giá trị 260 tỷ đồng. PVD bắt ngờ được khối này chú ý khi mua ròng 174 tỷ đồng.

Sau khi chạm mốc 1.283, VN-Index đã giảm khá nhanh sau đó và đối mặt với rủi ro bắt đầu nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Xu hướng ngắn hạn hiện tại đang ở trạng thái đi ngang nhưng chúng tôi lưu ý mốc hỗ trợ cho trạng thái này là 1.265. Trong khi đó xu hướng Trung hạn vẫn khả quan với trạng thái tăng và mốc hỗ trợ là ngưỡng 1.250. Điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index thay đổi khi giảm từ mức +2 điểm TRUNG TÍNH xuống mức đánh giá -4 **TIÊU CỰC**. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đang ở mức 13,6x

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	5	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

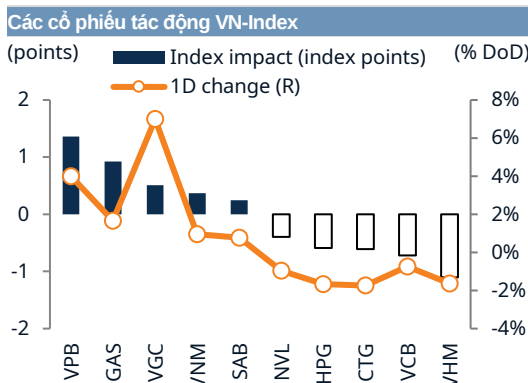
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,269.18	-0.4	7.7	-7.7
HNX	297.94	-1.1	4.7	-13.9
UPCOM	92.77	-0.1	5.6	-2.0
MSCI EM	1,009.58	-0.6	3.0	-18.1
NIKKEI	28,930.33	0.0	7.3	6.0
HANG SENG	19,773.03	0.0	-4.3	-21.9
KOSPI	2,492.69	-0.6	5.1	-19.5
FTSE	7,538.08	-0.2	3.3	6.8
S&P 500	4,283.74	0.2	8.8	-2.8
NASDAQ	12,965.34	0.2	10.7	-10.8

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.5	2.1	15.5
Indonesia	15.4	2.2	13.4
Philippines	17.7	1.7	10.1
Malaysia	17.1	1.5	8.6
Thailand	16.7	1.6	9.5

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.0	0	36	215
10 năm	3.5	1	19	140

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,403	0.0	0.2	-2.5
US\$/KRW	1,325.9	-0.4	-0.9	-11.3
US\$/JPY	136.6	-0.5	1.2	-19.6
US\$/EUR	1.0	0.1	1.4	15.8
US\$/GBP	0.8	0.5	0.9	14.7
US\$/SGD	1.4	-0.1	0.3	-1.7

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	598	548	885
HNX	59	65	113
UPCOM	24	33	68



Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (19/08/2022)	1.269	Kháng cự 1 1.285
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.320
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 1.250
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.200

Sau khi lấp Gap (khoảng trống) thành công tại 1.283 – 1.285, VN-Index đã có diễn biến điều chỉnh ngắn hạn. Việc chưa thể vượt 1.270 trong tuần đã hạ xu hướng ngắn hạn của chỉ số từ tăng điểm sang đi ngang. Trong khi đó xu hướng tăng trung hạn vẫn được duy trì và mốc 1.250 là hỗ trợ cho xu hướng này.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (19/08/2022)	1.281.0	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.350
VN30 – đóng cửa	1.294,93	Hỗ trợ 1	1.265
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-13,93	Hỗ trợ 2	1.200

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

Hợp đồng phái sinh VN30F2209 đã mở cửa với Gap lớn, thể hiện sự đảo chiều của xu hướng ngắn hạn. Chúng tôi đánh giá chỉ số có thể được hỗ trợ tại 1.265.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
CSV	Hóa chất	48,800	521,005	98	5	
FTS	Chứng khoán	38,000	1,221,090	86	7	
VGC	Vật liệu xây dựng	68,800	1,262,350	80	5	Top sức mạnh ngành
CTD	Xây dựng	70,700	843,900	82	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VNM	74.1	2,312,265	7	KHẢ QUAN	154,866	18.3	4.5	171
CTD	70.7	843,900	7	KHẢ QUAN	5,222	#N/A N/A	0.6	60
FTS	38	1,221,090	7	KHẢ QUAN	7,290	9.5	2.2	46
VPI	66.3	1,092,895	6	KHẢ QUAN	14,586	24.5	4.5	72
SSI	25.15	20,884,356	5	KHẢ QUAN	37,452	9.4	1.9	525
PVS	26.9	7,895,100	5	KHẢ QUAN	12,857	24.1	1.1	212
VIX	14.65	9,293,515	5	KHẢ QUAN	8,046	8.2	1.0	136
VGC	68.8	1,262,350	5	KHẢ QUAN	30,846	15.8	4.0	87
APS	17.8	2,161,035	5	KHẢ QUAN	1,477	6.0	1.0	38
DGC	93.4	2,438,845	4	KHẢ QUAN	34,674	7.5	3.8	228
VIC	67.9	1,213,400	4	KHẢ QUAN	258,966	#N/A N/A	#N/A N/A	82
BSI	31.05	1,079,305	4	KHẢ QUAN	3,775	14.7	2.2	34
VND	22.65	23,382,870	3	TRUNG TÍNH	27,584	6.9	1.9	530
DXG	29	9,772,455	3	TRUNG TÍNH	17,618	23.7	1.9	283
PVD	19.8	8,059,595	3	TRUNG TÍNH	11,006	#N/A N/A	0.8	160
HDC	53.2	1,732,560	3	TRUNG TÍNH	5,750	17.3	3.6	92
GAS	115.6	542,165	3	TRUNG TÍNH	221,253	17.3	3.7	63
TCM	47.7	836,840	3	TRUNG TÍNH	3,909	30.8	2.2	40
SAB	195	190,715	3	TRUNG TÍNH	125,050	27.8	5.4	37
HCM	28.15	8,533,185	2	TRUNG TÍNH	12,871	11.2	1.6	240
MBB	27.6	8,581,755	2	TRUNG TÍNH	104,282	6.6	1.5	237
DBC	27.5	6,664,155	2	TRUNG TÍNH	6,655	24.3	1.4	183
FRT	86.1	1,751,645	2	TRUNG TÍNH	10,200	17.2	5.6	151
REE	81.7	1,228,510	2	TRUNG TÍNH	29,036	12.4	2.0	100
MSN	112	839,885	2	TRUNG TÍNH	159,457	15.6	5.5	94
ANV	51.5	1,366,360	2	TRUNG TÍNH	6,547	13.4	2.4	70
PLX	42.7	1,200,655	2	TRUNG TÍNH	54,254	83.0	2.3	51
IJC	23.4	2,088,195	2	TRUNG TÍNH	5,080	10.4	1.4	49
DGW	70.4	679,865	2	TRUNG TÍNH	11,481	15.6	5.3	48
VOS	18.4	2,040,220	2	TRUNG TÍNH	2,576	4.4	1.9	38
VPB	31.25	13,464,830	1	TRUNG TÍNH	139,859	8.3	1.5	421
HPG	23.75	33,652,516	0	TRUNG TÍNH	138,101	5.0	1.4	799

VCI	36.8	5,997,685	0	TRUNG TÍNH	16,026	10.5	2.2	221
MWG	64.1	2,886,825	0	TRUNG TÍNH	93,824	19.1	4.2	185
FPT	86.9	1,856,300	0	TRUNG TÍNH	95,332	19.2	4.9	161
PDR	57.6	2,170,860	0	TRUNG TÍNH	38,687	18.5	5.0	125
DPM	46.9	2,383,945	0	TRUNG TÍNH	18,354	3.6	1.5	112
VHC	85.9	915,625	0	TRUNG TÍNH	15,752	7.7	2.2	79
HDB	26.25	2,582,100	0	TRUNG TÍNH	52,820	7.6	1.6	68
NKG	21.35	12,083,085	-2	TRUNG TÍNH	5,621	3.1	0.9	258
HAG	11.65	21,589,780	-2	TRUNG TÍNH	10,804	15.3	2.4	252
BSR	24.6	9,967,050	-2	TRUNG TÍNH	76,582	11.7	2.0	245
NVL	82.3	2,822,790	-2	TRUNG TÍNH	160,471	49.8	4.3	232
HSG	20.4	10,805,735	-2	TRUNG TÍNH	10,167	4.8	0.9	220
SHB	15.45	13,981,815	-2	TRUNG TÍNH	41,203	5.7	1.0	216
CII	24.9	7,421,100	-2	TRUNG TÍNH	6,280	19.9	1.1	185
TCB	39	4,283,605	-2	TRUNG TÍNH	136,926	6.8	1.3	167
IDC	62.5	2,245,835	-2	TRUNG TÍNH	20,625	10.3	3.8	140
HDG	53	2,087,210	-2	TRUNG TÍNH	12,964	9.3	2.6	111
LPB	15.55	6,497,760	-2	TRUNG TÍNH	23,381	4.8	1.0	101
VCB	80.9	1,209,590	-2	TRUNG TÍNH	382,861	#N/A N/A	#N/A N/A	98
HNG	6.82	13,165,105	-2	TRUNG TÍNH	7,560	#N/A N/A	2.7	90
BCG	16.8	5,137,985	-2	TRUNG TÍNH	8,456	8.9	1.2	86
VJC	124	606,745	-2	TRUNG TÍNH	67,160	178.4	3.8	75
BID	39.35	1,767,485	-2	TRUNG TÍNH	199,053	15.3	2.2	70
ITA	8.06	8,307,185	-2	TRUNG TÍNH	7,563	23.7	0.7	67
PC1	38.85	1,614,495	-2	TRUNG TÍNH	9,136	18.7	1.9	63
IDI	20.35	3,056,525	-2	TRUNG TÍNH	4,633	9.0	1.4	62
TPB	28.4	2,167,290	-2	TRUNG TÍNH	44,922	8.1	1.5	62
GMD	52	1,183,160	-2	TRUNG TÍNH	15,672	19.2	2.3	62
LDG	10.9	4,402,405	-2	TRUNG TÍNH	2,610	18.3	0.8	48
PVT	20.85	2,054,035	-2	TRUNG TÍNH	6,748	10.4	1.2	43
GEG	22.25	1,567,660	-2	TRUNG TÍNH	7,163	22.9	2.0	35
STB	25.1	13,102,135	-4	TIÊU CỰC	47,319	13.2	1.3	329
DIG	40.7	7,698,130	-4	TIÊU CỰC	24,821	23.1	3.3	313
GEX	23.9	9,868,335	-4	TIÊU CỰC	20,351	28.2	1.6	236
CEO	34.3	6,294,740	-4	TIÊU CỰC	8,827	35.4	2.9	216
DCM	32	3,849,035	-4	TIÊU CỰC	16,941	4.6	1.7	123
HUT	28.3	4,274,805	-4	TIÊU CỰC	9,866	37.5	2.5	121
HBC	21.45	5,603,425	-4	TIÊU CỰC	5,269	52.6	1.4	120
ACB	24.85	3,212,875	-4	TIÊU CỰC	83,929	7.1	1.6	80
KDC	67.5	1,182,135	-4	TIÊU CỰC	16,985	30.2	2.6	80
VRE	29.3	1,611,230	-4	TIÊU CỰC	66,579	51.4	2.1	47
DPG	47	936,350	-4	TIÊU CỰC	2,961	8.0	2.0	44
KBC	35.95	6,777,850	-5	TIÊU CỰC	27,595	11.0	1.6	244
VHM	60.1	2,240,740	-5	TIÊU CỰC	261,697	9.3	2.2	135
CTG	28.25	4,344,910	-5	TIÊU CỰC	135,762	9.2	1.3	123
BVH	55.8	1,170,635	-5	TIÊU CỰC	41,422	23.4	1.9	65
TNG	27.1	2,243,535	-5	TIÊU CỰC	2,713	9.3	1.9	61
SBT	17.9	2,070,765	-5	TIÊU CỰC	11,262	13.0	1.3	37

SHS	14.7	13,874,835	-6	TIÊU CỰC	11,953	11.8	1.3	204
SCR	12.3	5,425,970	-6	TIÊU CỰC	4,506	34.3	0.9	67
PNJ	114	522,995	-6	TIÊU CỰC	27,630	19.1	3.4	60
VIB	25.7	2,169,375	-6	TIÊU CỰC	54,167	7.5	1.9	56
SZC	52.8	1,017,420	-6	TIÊU CỰC	5,280	23.2	3.6	54
MBS	20	2,025,860	-6	TIÊU CỰC	7,136	10.5	1.9	41
POW	13.6	12,415,320	-7	TIÊU CỰC	31,849	20.2	1.1	169
VCG	22.5	4,336,000	-7	TIÊU CỰC	10,932	9.9	1.5	98
HAH	65.8	1,276,630	-7	TIÊU CỰC	4,494	7.2	2.4	84
NLG	41.3	1,962,945	-7	TIÊU CỰC	15,815	21.0	1.8	81
AAA	12.1	5,342,225	-7	TIÊU CỰC	4,626	13.1	0.8	65
LCG	11.4	4,827,590	-7	TIÊU CỰC	2,162	11.5	0.9	55
TCH	12	4,167,725	-7	TIÊU CỰC	7,985	17.8	0.9	50
ASM	15.7	3,144,725	-7	TIÊU CỰC	5,283	6.3	1.0	49
HQC	5.1	8,647,730	-7	TIÊU CỰC	2,431	299.5	0.6	44
FCN	15.55	2,798,620	-7	TIÊU CỰC	2,448	79.7	0.9	44
PHR	65.6	647,925	-7	TIÊU CỰC	8,889	13.4	2.7	43
GVR	24.2	1,678,390	-7	TIÊU CỰC	96,800	20.6	2.0	41
KSB	28.3	1,413,455	-7	TIÊU CỰC	2,159	11.1	1.1	40
MIG	22.75	1,516,235	-7	TIÊU CỰC	3,741	19.5	2.1	34

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Triển vọng lạm phát của Eurozone không được cải thiện dù ECB tăng lãi suất

Bà Isabel Schnabel, thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cho biết, triển vọng lạm phát của Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) đã không được cải thiện kể từ khi ngân hàng này tăng lãi suất vào tháng 7 vừa qua.

Bà nói: "Vào tháng 7/2022, ECB đã quyết định tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm vì chúng tôi lo ngại về triển vọng lạm phát. Song những lo ngại mà chúng tôi đã mang trong tháng Bảy vẫn chưa hề giảm bớt. Tôi không nghĩ rằng triển vọng lạm phát của Eurozone đã thay đổi về cơ bản".

Việc tăng lãi suất vào tháng 9 được coi là một thỏa thuận đã thực hiện với các nhà hoạch định chính sách thuộc liên minh tiền tệ này. Những bình luận của bà Schnabel cho thấy bà dường như đang ủng hộ một mức tăng lãi suất lớn hơn.

Các thị trường đã gia tăng mức đặt cược vào khả năng ECB tăng lãi suất trong những tuần gần đây khi áp lực lạm phát đè nặng, và hiện mức tăng lãi suất được ước tính là 0,55 điểm phần trăm trong tháng Chín tới và tổng cộng tăng 1,18 điểm phần trăm tính đến cuối năm.

Vấn đề là mức lạm phát 8,9%, cao hơn bốn lần so với mục tiêu 2% của ECB, vẫn có thể tăng cao hơn ngay cả khi chi phí năng lượng nhảy vọt làm suy giảm sức mua và kìm hãm đà tăng trưởng kinh tế. Bà Schnabel, một nhà hoạch định chính sách bảo thủ, cho biết: "Tôi sẽ không loại trừ khả năng trong ngắn hạn, lạm phát của Eurozone sẽ tiếp tục gia tăng. Những áp lực lạm phát này có thể sẽ tồn tại với khu vực trong một thời gian và không thể biến mất nhanh chóng trước khi quay trở lại mức 2%".

Mặc dù lạm phát của Eurozone có khả năng sẽ chậm lại đáng kể trong những năm tới, bà Schnabel lưu ý rằng các dự báo của ECB trong những quý gần đây đã sai. Do đó, số liệu về đà tăng giá cả thực tế cần được đóng một vai trò quan trọng hơn trong các quyết định chính sách của ngân hàng này.

Giá dầu thế giới leo dốc do dự trữ dầu thô của Mỹ giảm

Phiên giao dịch ngày 18.8 (giờ Việt Nam), giá dầu thế giới tăng khoảng 1,5% sau khi chạm mức thấp nhất trong vòng 6 tháng qua bởi dự trữ dầu thô của Mỹ giảm mạnh hơn dự kiến làm dấy lên lo ngại sản lượng và xuất khẩu của Nga tăng.

Cụ thể, giá dầu thô Brent giao tháng 10 đã tăng 1,31 USD, tương đương 1,42%, lên mức 93,16 USD/thùng. Cùng thời điểm, giá dầu thô WTI của Mỹ tăng 1,8%, tương đương 1,58 USD, lên mức 88,11 USD/thùng.

Dữ liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) cho thấy, các kho dự trữ dầu thô của nước này giảm 7,1 triệu thùng trong tuần trước, xuống còn 425 triệu thùng, vượt dự báo của các nhà phân tích đưa ra trước đó là giảm 275.000 thùng.

Bên cạnh đó, xuất khẩu dầu thô của Mỹ đạt 5 triệu thùng/ngày, mức cao nhất được ghi nhận, vì dầu WTI luôn được giao dịch ở mức thấp hơn nhiều so với dầu Brent. Các kho dự trữ xăng cũng đã giảm 4,6 triệu thùng, cao hơn nhiều so với mức giảm dự kiến là 1,1 triệu thùng.

Gói hỗ trợ lãi suất 2%: Kết quả cho vay hạn chế, sớm lập đoàn công tác để gỡ khó khan

Theo cổng thông tin Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái vừa có cuộc họp với Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và các bộ ngành về việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất 2% đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022 của Chính phủ.

Báo cáo tại cuộc họp, Phó Thống đốc thường trực Đào Minh Tú cho biết, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (tổng gói hỗ trợ khoảng 40.000 tỷ đồng). Cùng ngày, NHNN đã ban hành Thông tư 30 hướng dẫn ngân hàng thương mại hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31.

Về kết quả triển khai, theo báo cáo nhanh từ các ngân hàng thương mại, doanh số cho vay hỗ trợ lãi suất đạt gần 4.100 tỷ đồng đối với gần 550 khách hàng, số tiền lãi đã hỗ trợ cho khách hàng đạt khoảng 1,02 tỷ đồng, dư nợ được hỗ trợ lãi suất đạt 3.966 tỷ đồng.

Theo NHNN, sau gần 3 tháng triển khai, kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại vẫn còn hạn chế. Qua ghi nhận sơ bộ từ báo cáo của các ngân hàng thương mại, nổi lên một số nguyên nhân, khó khăn dẫn tới chính sách chậm triển khai là khó khăn trong xác định đối tượng được hỗ trợ lãi suất, khó khăn xuất phát từ phía khách hàng vay (ví dụ nhiều hộ gia đình sản xuất kinh doanh vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhưng không đăng ký hộ kinh doanh nên không thuộc diện được hỗ trợ...) và nguyên nhân từ phía các ngân hàng thương mại.

Sau khi nghe báo cáo và ý kiến phát biểu của đại diện NHNN, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái nêu rõ, sau 3 tháng triển khai gói hỗ trợ lãi suất kết quả đạt được còn rất thấp.

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đề nghị các bộ ngành tiến hành rà soát lại các quy định liên quan đến ngành nghề, đối tượng được hưởng, các điều kiện vay vốn... để kịp thời điều chỉnh hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Theo đó, Phó Thủ tướng giao NHNN, ngay tuần sau phải tổ chức Hội nghị để tiếp thu ý kiến phản ánh của các ngân hàng thương mại, các bộ ngành liên quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp) phối hợp cử cán bộ tham dự để hướng dẫn, giải thích cho các tổ chức tín dụng.

Phó Thủ tướng cũng giao NHNN sớm thành lập một số đoàn công tác (có sự tham gia của các bộ ngành liên quan) để tiến hành khảo sát tình hình triển khai thực hiện của các ngân hàng thương mại, nắm bắt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn để kịp thời có các biện pháp xử lý các khó khăn, vướng mắc của cơ sở.

Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan, đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh kịp thời, hiệu quả, theo đúng đúng quy định.

Tháng thứ 5 liên tiếp trị giá xuất khẩu dệt may đạt trên 3 tỷ USD

Số liệu mới nhất của Tổng cục Hải quan cho biết xuất khẩu dệt may trong tháng 7 lập đỉnh và là tháng thứ 5 liên tiếp có trị giá đạt trên 3 tỷ USD.

Cụ thể trị giá xuất khẩu hàng dệt may trong tháng 7 đạt 3,7 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng gần 2% so với tháng 12/2021. Tính đến hết tháng 7, trị giá xuất khẩu hàng dệt may đạt hơn 22,2 tỷ USD, tăng 20,4%, tương ứng tăng 3,76 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2021.

Trong đó, trị giá xuất khẩu nhóm hàng dệt may sang thị trường Mỹ đạt hơn 11 tỷ USD, tăng 21,3%; sang EU đạt 2,6 tỷ USD, tăng 36,2%; Nhật Bản đạt hơn 2 tỷ USD, tăng 12%; Hàn Quốc đạt 1,7 tỷ USD, tăng 13%... so với cùng kỳ năm 2021.

Ở chiều ngược lại, trị giá nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may, da, giày trong tháng 7 đạt 2,24 tỷ USD, giảm 6,8% so với tháng trước. Tuy nhiên, tính chung trong 7 tháng đầu năm nay, trị giá nhập khẩu của nhóm hàng này gần 17 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 7 tháng qua, Trung Quốc là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ ngành dệt may da giày cho Việt Nam, chiếm tỷ trọng tới 52%, với 8,8 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

Giá cá tra cao kỷ lục

Tại hội nghị “Giải pháp thúc đẩy tăng cường kiểm soát chất lượng giống cá tra”, ông Nhữ Văn Cần, Vụ trưởng Vụ nuôi trồng thủy sản (Tổng cục thủy sản) cho biết sản xuất cá tra giống ở Đồng bằng sông Cửu Long đã hồi sinh mạnh mẽ sau cú sốc dịch COVID-19 năm 2021, theo VnEconomy.

Trong tháng 7, xuất khẩu cá tra đạt 197 triệu USD, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm, xuất khẩu cá tra đạt trên 1,6 tỷ USD, tăng 79% so với cùng kỳ năm 2021.

Xuất khẩu cá tra đi lên đã thúc đẩy giá cá tra nguyên liệu và cá giống tăng mạnh. Hiện, giá bán cá tra thương phẩm hiện lên tới 29.500-31.000 đồng/kg, tăng 5.000-6.500 đồng/kg so với năm 2021. Giá bán cá tra giống cũng tăng 10.000 đồng/kg, lên khoảng 35.000 đồng-40.000 đồng/kg.

Nợ có khả năng mất vốn chiếm quá nửa nợ xấu

Theo số liệu thống kê tổng hợp 27 ngân hàng có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán Việt Nam của FiinGroup, tổng cho vay khách hàng lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 8,1 triệu tỷ đồng, tăng 11,7% so với đầu năm 2021.

Tính đến hết 30/6, tổng nợ xấu của 27 ngân hàng ghi nhận 120.938 tỷ đồng tăng 20%, riêng nợ xấu nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) tăng 40% lên hơn 62.316 tỷ đồng, chiếm 51,5% trên tổng nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu toàn ngành tăng từ 1,84% thời điểm đầu năm lên 2,13%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng từ 113% lên 118%.

Về tỷ lệ nợ xấu, 13/27 ngân hàng ghi nhận tỷ lệ nợ xấu tăng so với đầu năm. Ngoài NCB (tỷ lệ nợ xấu 11%) và VPBank (5,2%), VietBank (UPCoM: VBB) cũng là ngân hàng ghi nhận tỷ lệ nợ xấu trên 3%, ở mức 3,7%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VietBank giảm từ 49,7% đầu năm xuống còn 39,5%.

Các nhà băng như VietCapital Bank, PGBank, SHB, VIB, ABBank cùng ghi nhận tỷ lệ nợ xấu trên 2%.

Foxconn ký MOU thuê 50,5 ha đất tại KCN Quang Châu của Đô thị Kinh Bắc

Tổng công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (HoSE: KBC) công bố ngày 15/8, tại văn phòng công ty con KCN Sài Gòn – Bắc Giang (SBG) diễn ra lễ ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) về việc thuê lại 50,5 ha đất tại KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Giang với Tập đoàn Foxconn.

Cụ thể, với kế hoạch tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư tại tỉnh Bắc Giang, Tập đoàn Khoa Học Kỹ Thuật Hồng Hải (Tập đoàn Foxconn) cùng với Đô thị Kinh Bắc và Công ty KCN Sài Gòn – Bắc Giang đã thỏa thuận cùng hợp tác, đi đến ký Biên bản ghi nhớ về việc Tập đoàn Foxconn nghiên cứu thuê lại 50,5 ha đất tại KCN Quang Châu. Foxconn dự kiến sẽ đầu tư vào dự án mới với tổng mức đầu tư khoảng hơn 300 triệu USD, sử dụng hơn 30.000 lao động địa phương.

Tập đoàn Foxconn là một trong những tập đoàn quy mô lớn nhất thế giới trong lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin và máy tính. Tại KCN Quang Châu, tỉnh Bắc Giang, Tập đoàn Foxconn là doanh nghiệp FDI đầu tư có quy mô lớn nhất với các dự án đầu tư bắt đầu từ năm 2019; hiện tổng diện tích đất thuê đã lên tới 69,82 ha; tổng vốn đầu tư đăng ký của Foxconn đạt 773 triệu USD.

Thị giá rớt hơn nửa, DIC Corp tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để điều chỉnh phương án chào bán 100 triệu cổ phiếu

Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp - Mã: DIG) thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường năm 2022 dự kiến diễn ra ngày 14/9 tại Vũng Tàu.

Một số tờ trình đáng chú ý là kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm, tờ trình điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và tờ trình phê duyệt điều chỉnh dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị du lịch Long Tân. Nội dung chi tiết chưa được công bố.

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022, DIC Corp thông qua kế hoạch chào bán 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ chào bán là 1000: 164 (tức cứ mỗi 1.000 cổ phiếu hiện hữu, cổ đông có thể mua thêm 164 cổ phiếu), với giá chào bán là 30.000 đồng/cổ phiếu, thời gian dự kiến thực hiện từ quý III đến quý IV/2022. Nếu thành công, số vốn thu được dùng để đầu tư dự án Khu đô thị du lịch Long Tân (Nhơn Trạch, Đồng Nai).

Khu đô thị du lịch Long Tân có diện tích gần 332 ha, bao gồm ba phân khu: Phân khu 1 (hơn 82 ha), phân khu 2 (gần 115 ha) và phân khu 3 (khoảng 135 ha). Tổng mức đầu tư của dự án khoảng 12.618 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 1 trên 3.200 tỷ đồng.

Dự án có thể kết nối với các trung tâm tài chính khu vực phía Nam qua hệ thống đường cao tốc huyết mạch xuyên tỉnh: đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, đường cao tốc vành đai 2 Long Thành – Dầu Giây, cao tốc vành đai 3 Nhơn Trạch Thủ Đức, tuyến tàu điện trên không kết nối TP HCM và sân bay Long Thành.

Theo ước tính của DIC Corp, dự án này sẽ đem về khoảng 28.315 tỷ đồng doanh thu và 11.230 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

Tracodi dự định M&A mỏ đá ở Bình Thuận và Ninh Thuận

Chiều 18/8, CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi - Mã: TCD) đã tổ chức buổi gặp gỡ trực tuyến với nhà đầu tư để cập nhật tiến độ các dự án cũng như giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

6 tháng đầu năm, Tracodi ghi nhận doanh thu đạt 1.218 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 395 tỷ, lần lượt giảm 20% và tăng gần 98% so với cùng kỳ năm ngoái.

Quý III, Tracodi dự kiến kế hoạch doanh thu khoảng 1.000 - 1.100 tỷ đồng, lợi nhuận 70 - 80 tỷ đồng. Trong 6 tháng cuối năm tổng doanh thu xây lắp dự kiến là 2.000 tỷ với lợi nhuận gộp 200 tỷ. Mảng khai thác đá Antraco dự kiến đem về 350 tỷ doanh thu và mang lại lợi nhuận sau thuế hơn 30 tỷ.

Công ty đang xúc tiến các thủ tục M&A mỏ đá với quy mô 25 – 30 triệu khối. Hiện tỉnh An Giang đã chấp thuận chủ trương cho khảo sát. Dự kiến sớm nhất hoàn tất các thủ tục vào năm sau.

Bên cạnh đó, công ty có định hướng M&A mỏ đá ở Ninh Thuận, Bình Thuận. Riêng tại Bình Định, công ty đang trong quá trình thương thảo và chốt chuyển nhượng mỏ đá. Nguồn tài chính dự kiến lấy từ việc phát hành cổ phiếu tỷ lệ 1:1 sắp tới nhưng đến nay việc phát hành chưa diễn ra.

Ngoài ra, hiện công ty đang tập trung dự án ở Tây Ninh và cao tốc trục Bắc Nam ở Sóc Trăng nên cũng không gấp gáp.

Lãnh đạo Tracodi cũng cho biết thêm công ty đang đấu thầu 3 mỏ cát tại tỉnh Trà Vinh để làm nguồn nguyên liệu cho các dự án khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhưng hiện chưa có thông tin kết quả chính thức nên chưa công bố cho cổ đông.

Bản tin thị trường

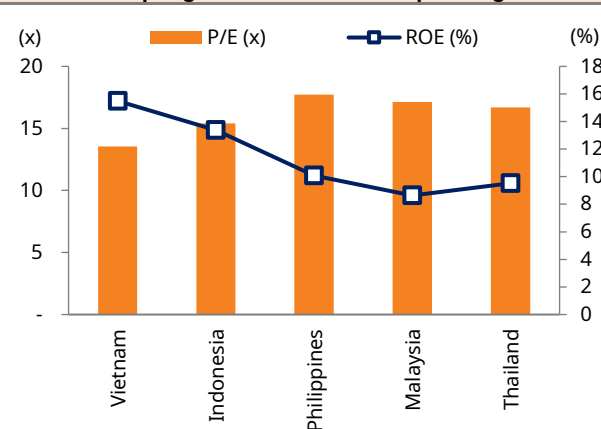
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



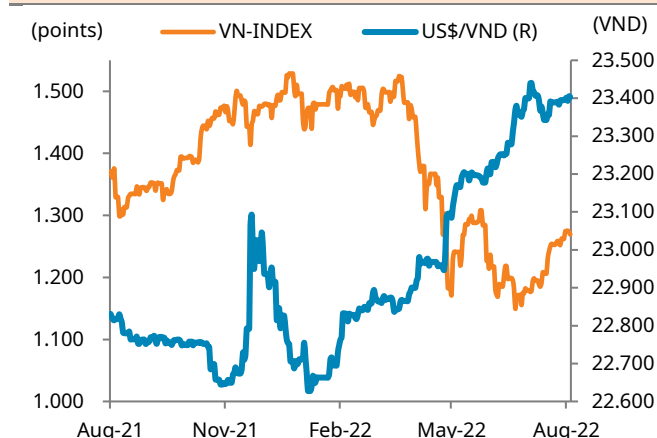
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



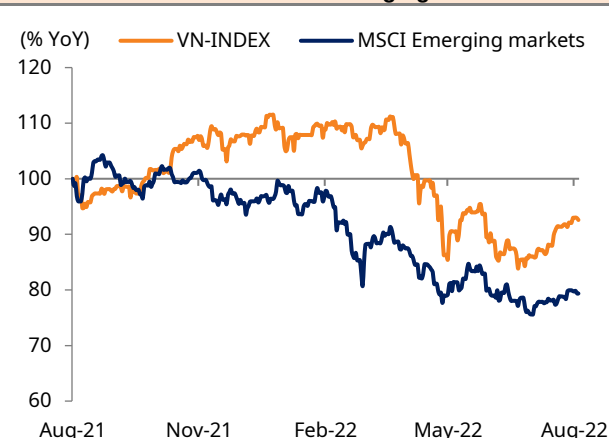
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



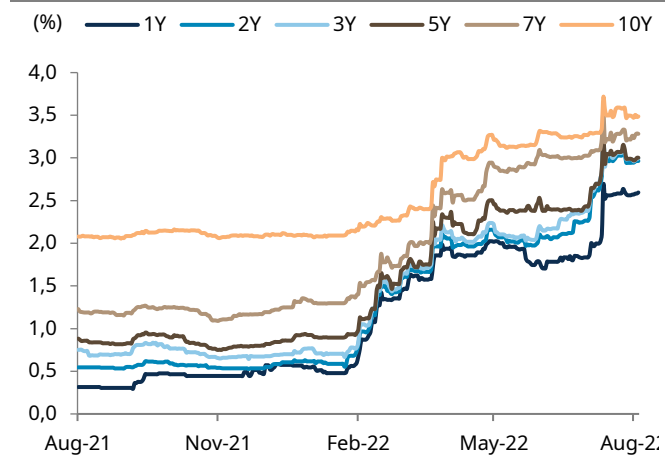
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



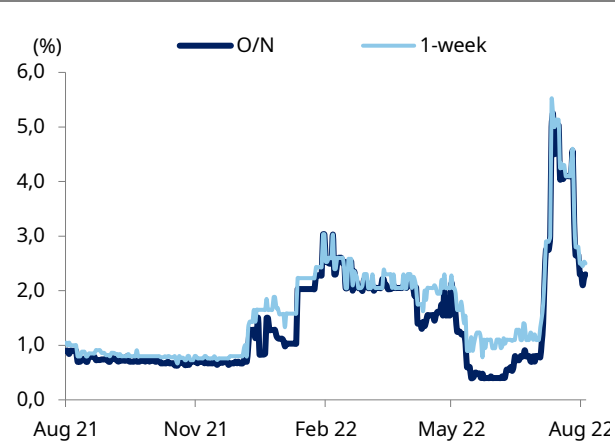
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,269.18	5,064,633		-0.4	0.5	7.7	-7.7	14.7	12.1	2.2	2.0	35.3	20.7	15.5	19.6
VN30 Index	VN30	1,294.93	3,525,797		-0.4	1.1	6.9	-14.0	12.1	10.6	2.3	1.9	38.5	14.4	19.6	21.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,850	83,929	30.0	-1.2	0.2	4.0	-12.0	8.9	6.7	1.9	1.5	24.6	31.9	23.5	24.9
BIDV	BID VN	39,350	199,053	16.9	-0.6	0.4	10.4	16.4	22.8	15.1	2.4	2.0	50.3	51.0	11.0	15.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	55,800	41,422	26.6	-1.2	-4.1	-2.3	1.5	21.8	17.4	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,250	135,762	26.9	-1.7	-1.4	6.4	-17.6	9.6	7.3	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	86,900	95,332	49.0	-1.6	0.5	4.7	10.3	24.0	18.0	5.3	4.6	21.5	33.6	23.4	26.7
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	115,600	221,253	3.0	1.7	1.0	13.4	27.2	26.5	15.8	4.3	3.8	8.1	68.2	16.8	24.5
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,200	96,800	0.5	-0.6	-2.6	4.3	-37.6	23.3	19.8	2.0	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	26,250	52,820	17.8	-2.1	3.3	12.2	-8.9	8.6	7.3	1.8	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,750	138,101	20.6	-1.7	-0.8	7.2	-39.3	4.3	5.2	1.5	1.2	151.5	-17.1	42.8	27.1
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	38,700	27,741	32.1	-1.5	-0.3	7.5	2.5	23.8	19.4	2.7	2.3	3.1	22.8	12.2	12.8
MBBank	MBB VN	27,600	104,282	23.2	-0.2	2.0	9.5	-11.3	8.2	6.7	1.8	1.4	53.0	22.4	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	112,000	159,457	28.8	0.0	4.5	9.8	-1.4	18.5	26.2	4.8	4.1	589.7	-29.3	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	64,100	93,824	49.0	-0.6	1.7	6.8	11.5	18.6	15.2	4.5	3.1	18.2	22.7	27.3	25.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	82,300	160,471	5.8	-1.0	1.0	11.8	2.8	45.2	31.1	4.5	4.0	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	57,600	38,687	2.6	-1.4	7.1	8.5	-11.1	21.5	#N/A	5.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	42,700	54,254	17.6	0.7	1.8	1.4	-17.1	23.9	19.9	2.2	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	25,700	54,167	20.5	-1.2	-0.4	5.8	-14.4	8.5	6.5	2.2	1.6	39.0	30.3	29.9	28.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,600	31,849	2.5	-1.4	-2.9	1.1	19.8	18.0	17.6	1.1	1.0	-24.2	1.9	6.2	6.1
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	195,000	125,050	62.8	0.8	7.1	24.4	31.8	35.4	27.0	5.9	5.2	-22.9	31.1	17.1	20.9
SSI Securities Corp	SSI VN	25,150	37,452	24.8	0.2	1.0	21.8	-35.4	10.3	9.5	1.9	1.5	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,100	47,319	23.0	-0.4	-2.1	9.4	-16.2	15.4	12.5	1.4	1.2	30.6	23.1	9.5	11.5
Techcombank	TCB VN	39,000	136,926	22.5	-0.3	0.5	8.0	-26.4	7.6	6.4	1.5	1.2	46.1	19.4	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	28,400	44,922	30.0	-1.0	-0.7	4.6	4.5	8.8	10.2	1.7	1.4	28.5	-14.0	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	80,900	382,861	23.5	-0.7	-0.9	13.5	0.4	19.3	14.2	3.5	2.8	19.7	35.5	19.6	21.4
Vinhomes JSC	VHM VN	60,100	261,697	23.2	-1.6	-1.8	2.2	-29.6	6.7	8.4	2.1	1.7	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	67,900	258,966	12.2	-0.3	2.6	-1.3	-34.7	#N/A	276.0	2.5	2.5	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	124,000	67,160	16.7	0.0	-0.2	-0.4	3.3	892.1	44.3	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	74,100	154,866	54.4	1.0	3.1	1.8	-17.9	16.4	17.4	4.7	4.5	-5.3	-5.8	29.3	27.6
VPBank	VPB VN	31,250	139,859	17.5	4.0	4.5	11.6	-12.9	11.8	7.4	1.8	1.4	11.6	60.1	17.9	20.7
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,300	66,579	32.2	-1.0	-0.2	12.7	4.8	50.7	29.1	2.2	2.1	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.